



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÌNH SỰ HOÁ, PHI HÌNH SỰ HOÁ CÁC HÀNH VI PHẠM PHÁP TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ TRONG CHÍNH SÁCH HÌNH SỰ HIỆN NAY

GS.TS Hồ Trọng Ngũ*

1. Vấn đề hình sự hoá, phi hình sự hoá trong chính sách hình sự

Trong các công cụ hữu hiệu mà Nhà nước ta sử dụng để đấu tranh với tội phạm phải kể trước hết đến pháp luật hình sự. Khả năng tác động đến hiệu quả của cuộc đấu tranh với tội phạm phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó phải tính đến việc đánh giá đúng đắn và xác định càng chính xác, càng cụ thể càng tốt những hành vi nguy hiểm cho xã hội. Và, vì thế đòi hỏi phải phân hoá cao độ các loại hành vi trong các đạo luật và đồng thời phải bảo đảm thường xuyên theo dõi, bổ sung, sửa đổi kịp thời (trong những giới hạn cho phép của hoạt động lập pháp) những quy định về hành vi nguy hiểm cho xã hội. Quá trình sửa đổi, bổ sung đó thường xuyên được thực hiện theo hai xu hướng trái ngược nhau: một mặt, quy định bổ sung những hành vi mới được coi là tội phạm hoặc gia tăng mức độ hình phạt đối với một số loại hành vi nguy hiểm cho xã hội nào đó; và ngược lại, trên một phương diện khác, loại bỏ khỏi danh mục các hành vi được coi là tội phạm hoặc giảm thiểu các biện pháp và mức độ nghiêm khắc của hình phạt đối với những loại hành vi khác. Hai xu hướng tưởng chừng như mâu thuẫn nhau đó lại là sự thống nhất chặt chẽ, nếu không nói là biện chứng trong một quá trình thống nhất mà trong khoa học luật hình sự thường được nhắc đến: xu hướng hình sự hoá, tội phạm hoá và xu hướng phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá⁽¹⁾. Cả hai xu hướng này song song tồn tại và gắn liền hữu cơ với nhau, bởi vì, khi những hành vi xâm hại đến những nhóm mối quan hệ xã hội nào đó được coi là gia tăng tính nguy hiểm xã hội, thì ngược lại, những hành vi có tính chất và giá trị xã hội trái ngược nó lại xâm hại hoặc đe dọa xâm hại các mối quan hệ xã hội mà xét về tính chất mâu thuẫn với nhóm quan hệ xã hội kia.

* Ủy viên Thường trực Ủy ban Quốc phòng An ninh của Quốc hội.

Từ trước đến nay, theo quan niệm phổ biến trong xã hội và ngay cả trong giới luật học, thì “hình sự hoá, hay phi hình sự hoá cũng như tội phạm hoá, phi tội phạm hoá” là những vấn đề thuộc thẩm quyền của nhà lập pháp. Bởi vì, việc đánh giá một hành vi nào đó là nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, đáng bị trừng phạt và phải quy định trong Luật hình sự nói chung, là vấn đề thuộc thẩm quyền của nhà lập pháp. Và cũng như vậy, quyết định công nhận một hành vi, một loại hành vi nào đó thường xảy ra trong đời sống xã hội là tội phạm, hoặc quyết định đưa ra khỏi các đạo luật hình sự những quy định về hành vi nào đó từng được coi là tội phạm không thể là thẩm quyền của ai khác, ngoài cơ quan lập pháp. Tương tự như thế, vấn đề quy định tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với những hành vi xử sự xã hội nào đó đã được quy định trong Bộ luật hình sự cũng thuộc thẩm quyền của nhà lập pháp.

Về mặt lý luận khoa học pháp lý, cho đến nay, các phạm trù này cũng mới chỉ được đề cập và thừa nhận chung rộng rãi trong khoa học Luật hình sự và trong lý luận về chính sách hình sự. Trong các lĩnh vực lý luận khác, các phạm trù “hình sự hoá, phi hình sự hoá”, “tội phạm hoá, phi tội phạm hoá” hầu như chưa được biết đến.

Với logic đó, vấn đề hình sự hoá hay phi hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự có thể được hiểu một cách khái quát đó là việc nhà lập pháp chọn khuynh hướng đưa vào hay loại trừ khỏi phạm trù hình sự những quan hệ pháp luật kinh tế hay dân sự nào đó hoặc quy định tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt hay giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với những loại hành vi nào đó xâm hại đến các quan hệ kinh tế, dân sự nhất định đã được luật hình sự bảo vệ.

Thế nhưng, thời gian gần đây, vấn đề hình sự hoá hay phi hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự lại được báo chí và dư luận xã hội nêu ra một cách gay gắt, nhưng với những nội dung không hoàn toàn như thế. Và điều đó đòi hỏi chúng ta phải xem xét vấn đề một cách toàn diện hơn.

Trong quá trình nhà chức trách đại diện cho một cơ quan nhà nước thực hiện việc áp dụng pháp luật, tức là phải làm những việc: nghiên cứu hành vi, chọn quy phạm pháp luật, ra những quyết định cụ thể nào đó, thì đồng thời cũng thực hiện sự đánh giá trên cơ sở niềm tin nội tâm của mình đối với những hành vi pháp luật nào đó và chủ thể thực hiện chúng theo những tiêu chí và trật tự nhất định. Trong đó, áp dụng pháp luật hình sự là lĩnh vực mà pháp luật điều chỉnh một cách khắt khe nhất (cả về chủ thể áp dụng, quyền và nghĩa vụ của họ và cả về trật tự áp dụng) vì liên quan đến những quyền cơ bản của công dân. Vì thế, có thể xảy ra những hành vi áp dụng pháp luật hình sự không phù hợp với pháp luật.

Có thể có hai loại hành vi áp dụng pháp luật hình sự không hợp pháp:

– Thứ nhất, đó là hành vi của các chủ thể không có thẩm quyền áp dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự mà áp dụng chúng để điều chỉnh các quan hệ xã hội;

– Thứ hai, đó là hành vi của các chủ thể có thẩm quyền áp dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ xã hội nhưng đã áp dụng sai, không đúng đối tượng điều chỉnh, thực chất là đã sử dụng các quy phạm mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự. Việc áp dụng các quy phạm luật mang tính chất hình sự ở đây được hiểu là cả các quy phạm luật hình thức cũng như các quy phạm luật nội dung.

Như vậy bàn đến “hình sự hoá” ở đây không nên nhầm lẫn với hiện tượng ngôn ngữ vẫn thường thấy trong sách báo pháp lý dùng hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự với một ý nghĩa rộng rãi hơn, đó là quá trình biến cải, dưới những mô típ khác nhau, các quan hệ kinh tế, dân sự nào đó thành các quan hệ hình sự. Điều đó cũng có nghĩa rằng, trong áp dụng pháp luật, hiện tượng “hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự” là quá trình sử dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự để điều chỉnh các quan hệ kinh tế, dân sự. Về bản chất, xét trên cả hai phương diện lý luận cũng như thực tiễn, thì tất cả các loại hành vi hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự đều là không hợp lý và nói chung, không hợp pháp (nói chung, bởi phải loại trừ trường hợp khi cơ quan lập pháp làm việc đó).

Như vậy, ngoài phạm trù lập pháp, nếu có, thì chỉ có thể có vấn đề là cần khắc phục “hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự” trong hoạt động thực tiễn của các cơ quan tư pháp hình sự hoặc có thẩm quyền thực hiện một số hoạt động mang tính chất tư pháp hình sự. Bởi vì chỉ có các cơ quan đó mới có thẩm quyền áp dụng các quy phạm pháp luật mang tính chất hình sự. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hành chính, dân sự, văn hoá, xã hội khác... không thể có thẩm quyền áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự, họ cũng không thể là chủ thể của các hành vi sai trái này. Đồng thời, hiện tượng “hình sự hoá” hoặc “phi hình sự hoá” như vậy đối với các quan hệ kinh tế, dân sự một cách vụ lợi thì có thể xảy ra ở bất cứ giai đoạn nào của tổ tụng hình sự. Điều này cũng khẳng định rằng vấn đề đặt ra là vấn đề hoàn thiện hoạt động của các cơ quan tư pháp hình sự và các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, là vấn đề hoàn thiện các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Hiện tượng “hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự” xảy ra trong thực tiễn pháp lý của xã hội cần được hiểu: đó là sự áp dụng pháp luật không đúng đắn; là hành vi vi phạm pháp luật do áp dụng không đúng các quy phạm pháp luật mang tính chất luật hình sự để điều chỉnh các quan hệ pháp luật kinh tế, dân sự. Bản chất của hiện tượng này chính là áp dụng pháp luật một cách sai trái.

Cũng vậy, trên phương diện tư duy, cần hiểu rằng, “hình sự hoá các quan hệ kinh tế, dân sự” mà chúng ta đang bàn ở đây là một hiện tượng xã hội - hành chính, dân sự tiêu cực cần được khắc phục, chứ tuyệt nhiên không phải là một hiện tượng chính trị - pháp lý, bởi nó không có cơ sở tư tưởng chính trị cũng như không được quy phạm hoá về mặt pháp lý, một hiện tượng cần phê phán chứ không thể là một phạm trù, một chế định pháp lý, như một vài tác giả đã giải thích. Đồng thời chỉ có thể bàn đến giải pháp khắc phục, loại trừ, mà không thể nói tới khía cạnh cải tiến hay hoàn thiện.

2. Nhu cầu và giới hạn cần thiết của việc đổi mới chính sách hình sự phục vụ cuộc đấu tranh với tội phạm kinh tế ở Việt Nam hiện nay

Tội phạm kinh tế, nhìn dưới góc độ chính sách hình sự, là khái niệm chung để chỉ tất cả các tội phạm có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới các hoạt động của các cơ quan, tổ chức trong việc vận hành nền sản xuất xã hội, thực hiện quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông và bảo đảm sự công bằng, hợp lý trong phân chia, thụ hưởng các quyền lợi và các kết quả vật chất khác do nền sản xuất xã hội mang lại.

Theo khái niệm đó, tội phạm kinh tế, trong Bộ luật Hình sự (BLHS) 1999 bao gồm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVI), các tội phạm về môi trường (Chương XVII), các tội phạm về chức vụ (Chương XXI), một số các tội xâm phạm sở hữu (Chương XIV) và cả những tội phạm có mối liên hệ với các quan hệ kinh tế hoặc lợi ích kinh tế của Nhà nước, của xã hội được quy định trong các chương khác của Bộ luật Hình sự.

Vì tội phạm kinh tế dưới góc độ tội phạm học còn được hiểu như một bộ phận cấu thành của (tình hình) tội phạm nói chung, nó là khái niệm tổng hợp để chỉ một hiện tượng, một tình trạng xã hội do nhiều bộ phận hợp thành. Do vậy, bàn về chính sách hình sự đối với tội phạm kinh tế ở Việt Nam hiện nay, phải xem xét hết những khía cạnh liên quan đến các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm về chức vụ và các tội phạm khác có liên quan đến hoạt động kinh tế.

Tội phạm kinh tế là một hiện tượng phản kinh tế và là mặt trái của nền kinh tế. Nó luôn đeo bám mọi diễn biến của nền kinh tế và luôn tìm “lỗ hổng” để chen chân, bám rễ. Sở dĩ, cuộc đấu tranh với tội phạm kinh tế cam go là vì ngoài những nguyên nhân có tính quy luật khách quan, thì còn những nguyên nhân chủ quan xét từ góc độ Nhà nước, ngay trong bộ máy nhà nước vẫn còn chỗ cho nó “đeo bám”. Những hành vi bất hợp pháp loại này còn chưa được loại trừ bởi vì bao giờ chúng cũng có vỏ bọc bên ngoài có vẻ hợp lý và dư luận xã hội không ít khi cũng bị ngộ nhận.

Vì vậy, điều quan trọng hơn, theo tôi, hiện tượng tiêu cực cố tình vi phạm pháp luật trong quá trình áp dụng pháp luật cần được xem xét cả trên phương diện đối lập với cái gọi là “hình sự hoá”. Những hành vi và ý đồ ngược lại “dân sự hoá”, hay “kinh tế hoá”, “hành chính hoá”... các quan hệ mang tính chất hình sự cũng nguy hiểm như bản thân hành vi cố ý “hình sự hoá” các quan hệ không phải là hình sự. Sử dụng các quyền năng hành chính, các quy phạm pháp luật hành chính, kinh tế, dân sự thay cho các quy phạm pháp luật hình sự, tổ tụng hình sự và để giải quyết các vấn đề hình sự đã được quy định trong pháp luật hình sự, tố tụng hình sự là những hành vi vi phạm pháp luật.

Trong tham nhũng, có một hiện tượng khá phổ biến là các chủ thể có thẩm quyền thường áp dụng các chế định và các quy phạm pháp luật có chế tài nhẹ hơn để xử lý các quan hệ xã hội mà đáng ra phải áp dụng các quy phạm có chế tài nghiêm khắc hơn nhằm mục đích vụ lợi. Trong số đó, một tỷ lệ không nhỏ là các quan hệ đáng xử lý hình sự đã được biến hoá thành các quan hệ kinh tế, dân sự, hành chính và được áp dụng các chế tài kinh tế, dân sự, kỷ luật.

Mọi hành vi cố tình áp dụng sai pháp luật đều nguy hại cho xã hội. Hành vi áp dụng sai pháp luật để vụ lợi còn nguy hại hơn. Nếu như hình phạt là loại chế tài nghiêm khắc nhất và chỉ buộc phải áp dụng cho những trường hợp hành vi vi phạm nguy hiểm đáng kể đối với xã hội vì đã xâm hại đến những lợi ích, những quan hệ xã hội có ý nghĩa quan trọng đáng kể xét từ mục tiêu và lợi ích giai cấp của nhà nước và chế độ xã hội, thì cố tình áp dụng pháp luật dân sự, hành chính thay cho pháp luật hình sự để vụ lợi lại càng cần được trừng trị. Loại hành vi này khá nguy hiểm và đang trở nên khá phổ biến rất cần được hình sự hoá trên phương diện lập pháp hình sự. Bởi lẽ, nếu hành vi cố ý áp dụng pháp luật hình sự, khi biết rõ đó là các quan hệ kinh tế, dân sự sẽ mang đến hệ quả trực tiếp thiệt hại nặng hơn cho đối tượng bị áp dụng, thì ngược lại, các hành vi “dân sự hoá”, “kinh tế hoá” các quan hệ pháp luật hình sự, tức cố tình áp dụng pháp luật hành chính, dân sự cho những trường hợp biết rõ đó là quan hệ pháp lý hình sự lại mang lại sự thiệt hại trước hết cho lợi ích nhà nước, uy tín và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa (XHCHN), cố tình làm trái những lợi ích của Nhà nước và xã hội.

Một trong biểu hiện rõ nét nhất của hiện tượng “phi hình sự hoá vụ lợi” trong hoạt động thực tiễn chính là những hành vi tiêu cực cần được khái quát hoá chính xác và cao độ bằng thuật ngữ “tham nhũng”. Nói cách khác, hiện tượng “phi hình sự hoá” sai trái trong hoạt động thực tiễn áp dụng pháp luật cũng là vấn đề đã và đang đặt ra hết sức gay gắt, nan giải.

Kinh tế thị trường với những sự biến đổi nhanh chóng và sự đòi hỏi tính năng động cao độ của cơ chế vận hành, tổ chức quản lý trong mọi lĩnh vực. Nhưng chính sự năng động đó cũng tạo ra nguy cơ cao về vi phạm pháp luật. Trên phương diện xã hội học hành vi, dễ thấy rằng hiện tượng xé rào (vi phạm

hành lang pháp lý) và tính năng động trong kinh doanh, quản lý kinh doanh là luôn luôn đứng bên nhau. Chính điều đó cũng dẫn đến nguy cơ cao về sai phạm trong áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm. Ranh giới giữa hình sự và hành chính, kinh tế, dân sự rất mỏng manh, dễ nhầm lẫn. Và đó chính là cứu cánh cho những ý đồ và hành vi cố ý “hình sự hoá” các quan hệ kinh tế, dân sự để vụ lợi.

Về mặt pháp luật, những điểm chưa hoàn thiện trong pháp luật hình sự chính là mảnh đất tốt để gieo cấy những động cơ vụ lợi đó. Ví dụ, việc đưa vào trong Bộ luật Hình sự những quy định, những chế tài tùy nghi với dải phân cách rộng có thể thuận lợi cho người áp dụng pháp luật nhưng đồng thời cũng tạo ra nguy cơ cao của sự tùy tiện, theo xu hướng cố ý áp dụng sai trái để vụ lợi bằng việc “phi hình sự hoá” (hoặc “hình sự hoá”) biến báo các hành vi của đối tượng. Chính vì thế, nhiều đại biểu Quốc hội đã phê phán việc đưa ra các quy định có tính trừu tượng cao, ít tính định lượng, cụ thể, ví dụ như hành vi “cố ý làm trái...” “gây hậu quả nghiêm trọng”. Bởi đó là loại quy định dễ làm phát sinh những ý đồ và hành vi “hình sự hoá” các quan hệ kinh tế, dân sự để vụ lợi ở các giai đoạn khác nhau của quá trình tổ tụng hình sự. Đây là vấn đề mà nhà lập pháp cần quan tâm trong lần sửa đổi BLHS 1999 sắp tới.

Để khắc phục vấn đề cần thiết phải có một hệ thống giải pháp toàn diện. Tuy nhiên trên phương diện lập pháp hình sự, cần sửa đổi, bổ sung BLHS 1999 và Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) 2003 sắp tới với tinh thần sao cho những ai đang có thẩm quyền của chủ thể áp dụng pháp luật muốn thực hiện những hành vi vụ lợi khó mà thực hiện được ý đồ. Mặt khác, nhà lập pháp cũng cần thể hiện rõ thái độ nghiêm khắc với những người đã có “tiền sử” về những “căn bệnh” vụ lợi, luật pháp cũng cần cảnh báo họ về nguy cơ chịu những hình phạt nặng hơn. Thực tế cũng đang đòi hỏi tăng cường những hình phạt bổ sung sao cho những đối tượng như thế không có chỗ đứng trong môi trường quản lý kinh tế, vật chất hay công tác cán bộ. Trong điều kiện pháp luật đã được ban hành ngày càng đầy đủ, các quan hệ xã hội ngày càng được tổ chức chặt chẽ hơn thì càng cần gia tăng hình sự hoá, tội phạm hoá những hành vi, thói xấu tham lam, lợi dụng hoàn cảnh, chức vụ, quyền hạn để trục lợi. Không nhất thiết phải quy định những hình phạt nặng, như kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, nhưng cần xử lý về hình sự những loại hành vi cố tình xâm hại trật tự hoạt động tư pháp đó để làm trong sạch môi trường xã hội và giữ nghiêm phép nước.

Lâu nay, thông qua việc áp dụng pháp luật, có một số người có chức vụ, quyền hạn áp dụng pháp luật cố tình áp dụng sai các quy phạm pháp luật để buộc đối tượng bị áp dụng pháp luật phải lụy mình, hòng thu lợi bất chính. Rất tiếc là nhiều khi những hành vi tùy tiện hoặc vụ lợi đó lại được coi là những biểu hiện nhân đạo. Những hiện tượng pháp lý đáng tiếc như thế diễn ra khá phổ biến trên các lĩnh vực khác nhau nhưng chúng ta hoặc là không nhận ra hoặc có thái độ bàng quan và thậm chí có cả những người cố tình không thừa nhận.

Cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực trong thực tế đang kém hiệu quả. Điều đó đã dẫn đến hiện tượng áp dụng sai pháp luật mà không bị xử lý, dần dần trở nên phổ biến. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức cũng chưa được hoàn chỉnh, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho công dân, các tổ chức, doanh nghiệp, thông qua đó để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Các tranh chấp, khiếu kiện, khiếu nại chậm được giải quyết dẫn đến tâm lý chán nản, không tin tưởng vào khả năng có thể bảo vệ lợi ích của mình bằng giải pháp pháp luật. Nhu cầu hình sự hoá một số hành vi cố tình trì hoãn không thực hiện nghĩa vụ trên lĩnh vực pháp luật về khiếu nại tố cáo cũng rất cần được đáp ứng nhằm làm lành mạnh hoá các quan hệ ứng xử giữa Nhà nước với công dân và làm trong sạch bộ máy nhà nước, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Vì tính chất quan trọng của các quan hệ pháp luật được điều chỉnh trong Luật khiếu nại, tố cáo đối với Nhà nước, xã hội và công dân mà những hành vi nghiêm cấm trong lĩnh vực này cần được hình sự hoá tối đa.

Xuất phát từ thực tiễn đấu tranh với các loại tội phạm kinh tế, trên cơ sở dự báo khoa học và để phù hợp với yêu cầu của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, phê chuẩn, nhất là từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO cần phải tiếp tục hình sự hoá, tội phạm hoá hoặc phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá một số tội phạm kinh tế phù hợp với xu hướng tiến bộ, hướng thiện của pháp luật hình sự quốc tế.

Tuy nhiên, vẫn cần nói đến một giới hạn cần thiết của việc phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá hoặc hình sự hoá, tội phạm hoá các quan hệ hành chính, kinh tế, dân sự ở Việt Nam. Giới hạn đó cần được quan niệm như một hành lang chính trị - pháp lý cần thiết hướng dẫn hoạt động sáng tạo pháp luật, quá trình hình sự hoá hay phi hình sự hoá cần thiết và có thể. Pháp luật hình sự, xét về mặt triết học, cũng là sự phản ánh chủ quan đời sống xã hội khách quan và vì thế, nghĩa vụ của nhà lập pháp là bảo đảm sự phản ánh đó phù hợp tối đa với điều kiện tồn tại khách quan đó. Sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật hình sự phải trong những giới hạn cần thiết và có thể, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nước, những nhiệm vụ đặt ra đối với nhà nước và xã hội trong hoàn cảnh hiện tại cũng như trong tương lai được dự báo.

Giới hạn đó chính là những nguyên tắc chính trị tổ chức đời sống xã hội và bản thân hệ thống chính trị - xã hội; những định hướng tổ chức và phát triển nền kinh tế đất nước đã được xác định. Vì Hiến pháp và pháp luật Việt Nam đã thừa nhận rộng rãi một trung tâm lãnh đạo Nhà nước và xã hội, hạt nhân của hệ thống chính trị xã hội là Đảng Cộng sản Việt Nam, việc thoát ly sự lãnh đạo đó trong hoạt động và những định hướng tư tưởng cũng là vi hiến.

3. Chính sách hình sự đối với tội phạm kinh tế trong Bộ luật Hình sự 1999 và những vấn đề đặt ra

Chế định "Các tội phạm về kinh tế" trong BLHS năm 1985, mặc dù không phải đã có nội hàm phản ánh đầy đủ, đúng như tên gọi của nó, nhưng căn cứ vào một số dấu hiệu pháp lý đặc trưng, nhất là các dấu hiệu về khách thể, có thể thấy rằng, nó đòi hỏi một tập hợp rộng lớn hơn và lẽ ra nó phải được mở rộng giới hạn không chỉ trong nhóm xâm hại trật tự quản lý kinh tế.

Các cấu thành tội phạm được quy định trong Chương VII, Phần các tội phạm của BLHS 1985 phản ánh tương đối đặc trưng các dấu hiệu của tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Mặc dù về lý thuyết, khách thể của nhóm tội này được giải thích là các quan hệ xã hội đảm bảo cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế quốc dân, với nghĩa rộng là chế độ kinh tế đã được quy định trong Hiến pháp. Về chủ thể, trừ một số tội phạm có hành vi khách quan vi phạm các quy định, chế độ, chính sách quản lý kinh tế, chủ thể là những người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức kinh tế, cơ quan Nhà nước hoặc trong các tổ chức xã hội. Nói chung chủ thể các tội phạm về kinh tế theo BLHS 1985 có thể là bất kỳ ai có năng lực trách nhiệm hình sự và đạt độ tuổi theo luật định. Có thể nói, BLHS năm 1985 mặc dù chưa có chế định "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế", nhưng trong chế định "Các tội phạm về kinh tế" lại chủ yếu bao gồm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế.

Phản ánh khá rõ nét nền kinh tế vận hành theo cơ chế hành chính - mệnh lệnh, BLHS năm 1985, ngay từ những năm đầu thời kỳ Đổi mới, đã bộc lộ rất nhiều bất cập khi nền kinh tế dần phát triển theo cơ chế kinh tế thị trường. Những bất cập này lại biểu hiện tập trung nhất ở chính ngay trong các quy định về tội phạm kinh tế.

BLHS năm 1999 ra đời nhằm thể chế hoá đường lối đổi mới đất nước và khắc phục những thiếu khuyết của BLHS 1985. Nhiều quy định mới phù hợp hơn với quy luật kinh tế thị trường đã được nhà lập pháp đưa vào BLHS 1999. Nếu so sánh tỷ lệ những điểm mới giữa các chương quy định về tội phạm cụ thể, cũng như tỷ lệ những sửa đổi, bổ sung trong các chế định của BLHS 1999 thì chính những quan tâm sửa đổi đối với nhóm tội phạm về kinh tế và nhóm tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia đã chiếm một phần đáng kể.

Việc quy định một chương riêng "Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế" không chỉ là kết quả sửa đổi tên Chương VII "Các tội phạm về kinh tế" của BLHS 1985 mà còn thể hiện những nhận thức mới, bằng cách sửa đổi, bổ sung dấu hiệu cấu thành của một số tội trước đây quy định trong một điều luật thành nhiều tội danh mới với mức hình phạt khác nhau, thể hiện tư tưởng phân hoá cao trách nhiệm hình sự đối với các loại hành vi phạm tội. Các tội buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới; làm, tàng trữ, vận chuyển, lưu hành séc giả,

các giấy tờ có giá khác được chuyển từ Chương “Các tội xâm phạm an ninh quốc gia” sang Chương “Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” để phù hợp với tính chất của khách thể tội phạm.

Thể hiện chính sách hình sự đổi mới, BLHS 1999 đã phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá một số hành vi phạm tội kinh tế mà căn nguyên của chúng gắn liền với cơ chế tập trung bao cấp hoặc đã từ lâu không xuất hiện trong đời sống thực tiễn. Nhiều loại hành vi như: cản trở việc thực hiện các quy định của Nhà nước về cải tạo XHCN; sản xuất hoặc buôn bán rượu, thuốc lá trái phép; lạm sát gia súc... đã được loại bỏ.

Tổng kết bước đầu những kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh với tội phạm kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường, trong BLHS 1999, nhà lập pháp đã thực hiện tội phạm hoá thêm nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội đã và đang phát sinh trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Lần đầu tiên xuất hiện trong BLHS 1999 các tội danh: Tội quảng cáo gian dối (Điều 168); Tội vi phạm quy định về cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (Điều 170); Tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171); Tội sử dụng trái phép quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của tổ chức tín dụng (Điều 178); Tội vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng (Điều 179).

Chế định các tội phạm về môi trường là một trong những điểm mới dễ nhận thấy trong chính sách hình sự của thời kỳ này. Đây vốn là một nhóm hành vi phạm pháp có liên quan chặt chẽ đến sản xuất và đời sống xã hội, thường được coi là phạm pháp trên lĩnh vực kinh tế, nhưng đều có dấu hiệu liên quan đến môi trường, được nhà lập pháp hình sự hoá, tội phạm hoá và tập hợp riêng thành một chế định mới, độc lập. Điều đó thể hiện rõ nét sự đổi mới tư duy trong chính sách hình sự, tiếp thu những tư tưởng mới về bảo vệ môi trường, đồng thời từng bước thực hiện những cam kết của Việt Nam trong các công ước quốc tế liên quan đến bảo vệ môi trường. Một số hành vi phạm tội trước đây được quy định ở Chương “Các tội phạm về kinh tế” của BLHS 1985 được chuyển sang Chương “Các tội phạm về môi trường” BLHS 1999. Đó là: các hành vi huỷ hoại nguồn lợi thủy sản (Điều 188); huỷ hoại rừng (Điều 189 BLHS 1985); vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã, quý hiếm. Một số tội danh trước đây được coi là hành vi xâm phạm an ninh quốc gia nhưng không có mục đích chống chính quyền nhân dân được quy định tại mục B, Chương “Các tội xâm phạm an ninh quốc gia” của BLHS năm 1985 với hình phạt nặng, đã được sửa đổi và đưa vào chương này.

Để đáp ứng yêu cầu cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt, các tội danh trong BLHS 1985 có nhiều khoản, điểm phản ánh những hành vi có cấu thành tương đối độc lập đã được tách ra quy định thành những tội danh cụ thể phù hợp với tính chất và mức độ nghiêm trọng và dấu hiệu định tội đặc trưng của chúng. Ví dụ, từ Điều 196 của BLHS 1985, tội buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng

hoá, tiền tệ qua biên giới được xây dựng thành hai tội danh độc lập: tội buôn lậu (Điều 153, BLHS 1999) và tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới (Điều 154, BLHS 1999) với chính sách, mức độ xử lý phù hợp hơn. Tương tự, tội sản xuất, buôn bán hàng giả (BLHS 1985) được tách thành 3 tội danh khác nhau căn cứ vào đối tượng bị làm giả. Nhà lập pháp đã thực hiện phân hoá rõ hơn trong chính sách xử lý theo tinh thần: nếu làm hàng giả những thứ phục vụ sự sống của con người thì việc làm giả phải bị xử lý nặng hơn những hàng giả khác, bởi chúng dễ gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng...

Quán triệt tư tưởng cá thể hoá trách nhiệm hình sự, việc xây dựng các cấu thành của các tội phạm kinh tế trong BLHS 1999 đã cụ thể hơn, chi tiết hơn. Từ một số tình tiết định khung trong các tội danh được nhận diện sâu sắc hơn, khái quát hoá cao hơn đã hình thành các tội danh độc lập thể hiện sự phân hoá sâu sắc trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Một bước tiến mới trong BLHS năm 1999 so với BLHS năm 1985 là khi quy định các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, nhà lập pháp đã định lượng giá trị hàng phạm pháp làm cơ sở để phân biệt ranh giới xử lý hành chính và xử lý hình sự cũng như cá thể hoá hình phạt (có 08/29 điều luật quy định cụ thể giá trị hàng phạm pháp làm căn cứ để xử lý hình sự). Đường lối xử lý các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế cũng có thay đổi: tỷ lệ các điều luật có hình phạt chung thân, tử hình được rút xuống. Chỉ còn 03 điều luật quy định hình phạt tởi tử chung thân hoặc tử hình (Điều 153; Điều 157 và Điều 180). Phạm vi áp dụng phạt tiền đối với các tội phạm kinh tế bước đầu đã được mở rộng (có 18 điều luật quy định hình phạt tiền là hình phạt chính trong cấu thành cơ bản). Hình phạt bổ sung được quy định đối với tất cả các tội phạm, bao gồm: phạt tiền (24/29 điều), tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản (07/29 điều), cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định (22/29 điều).

Theo quy định của BLHS năm 1999, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại nền kinh tế quốc dân, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân thông qua hành vi vi phạm các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế.

Như vậy, cùng với việc đổi tên Chương VII “Các tội phạm về kinh tế” thành Chương “Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế” cho thấy, nội hàm *tội phạm kinh tế* ngày càng được định hình rõ hơn. BLHS 1999 cho thấy, nội hàm của *tội phạm kinh tế* không chỉ là các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà còn rộng lớn hơn nhiều. “Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, về mặt khách thể, xâm phạm đến các quan hệ xã hội lập nên trật tự quản lý, nhằm bảo đảm tính đúng đắn, an toàn của các quan hệ quản lý kinh tế. Trong khi đó, tội phạm kinh tế có một nội hàm rộng hơn nhiều, ngoài các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, còn

bao hàm cả các hành vi xâm hại đến nền tảng kinh tế của đất nước (các tội xâm phạm sở hữu), xâm phạm đến điều kiện môi trường, môi sinh để tồn tại và phát triển bền vững nền kinh tế - xã hội, các tội phạm xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của hệ thống các cơ quan, tổ chức và người có chức vụ với động cơ vụ lợi và một số tội khác liên quan đến công nghệ, tài chính, tiền tệ...

Tóm lại, so với những quy định của BLHS năm 1985, những quy định về tội phạm kinh tế trong BLHS năm 1999 đã có nhiều đổi mới, nhìn chung đã đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống các tội phạm này ở giai đoạn đầu chuyển giao thế kỷ.

Tuy nhiên, BLHS 1999 đã nhanh chóng bộc lộ những thiếu khuyết trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Chính vì vậy, nhu cầu đổi mới chính sách hình sự nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm kinh tế đang đặt ra ngày càng cấp thiết và chúng ta có đủ cơ sở thực tiễn cho những đổi mới, bổ sung các quy định liên quan đến các tội phạm kinh tế.

4. Những định hướng đổi mới chính sách hình sự và vấn đề hình sự hoá, tội phạm hoá, phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá một số hành vi phạm pháp trên lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm kinh tế

Cơ sở tư tưởng chính trị để đổi mới chính sách hình sự nói chung, trong đó có lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm kinh tế trong giai đoạn từ nay đến năm 2020 chính là những luận điểm, chủ trương lớn được nêu trong Nghị quyết số 08/NQ-TW và Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về công tác tư pháp.

Tờ trình của Chính phủ tại kỳ họp thứ tư Quốc hội Khoá XII, ngày 9/10/2008, nêu rõ: BLHS 1999 có vai trò to lớn trong việc góp phần quan trọng vào sự nghiệp giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần tích cực vào việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam thời gian qua. Tuy nhiên, BLHS cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung. Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập này là BLHS 1999 ra đời trước khi có chủ trương đổi mới, cải cách tư pháp (được đề ra trong Nghị quyết 08/NQ-TW tháng 01/2002 và Nghị quyết 49/NQ-TW tháng 6/2005 của Bộ Chính trị), nên một số quan điểm mới về chính sách hình sự của Đảng chưa được thể chế hoá trong Bộ luật. Đặc biệt, chủ trương tăng cường hơn nữa tính nhân đạo, hướng thiện của BLHS, đồng thời tiếp tục hình sự hoá, tội phạm hoá những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế chưa được phản ánh đầy đủ trong Bộ luật.

Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị cho thấy rõ sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung BLHS là nhằm “hạn chế áp dụng hình phạt tử hình theo hướng chỉ áp dụng đối với một số ít loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự để đấu tranh với tội phạm kinh tế cũng đã cho thấy sự bất cập trong quy định về cấu thành của một số tội phạm về môi trường, tội phạm liên quan đến công nghệ cao với phương thức, thủ đoạn hoạt động phạm tội rất tinh vi, gây khó khăn cho công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý; sự lạc hậu của các quy định về định lượng làm cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một số tội chiếm đoạt tài sản, tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và một số tội phạm khác có liên quan đến tài sản, cũng như mức phạt tiền quy định trong các hình phạt tiền đối với các tội xâm phạm quyền tác giả, tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đã không còn phù hợp với thực tiễn. Nhiều hành vi tội phạm trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, chứng khoán, tài chính - kế toán, sở hữu trí tuệ... chưa được tội phạm hoá. Nghị quyết 49/NQ-TW chỉ rõ: “Quy định là tội phạm đối với những hành vi nguy hiểm cho xã hội mới xuất hiện trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế”.

Cơ sở thực tiễn của việc đổi mới chính sách hình sự phục vụ cuộc đấu tranh với tội phạm nói chung, tội phạm kinh tế nói riêng, là những kết luận được rút ra từ thực tiễn và trên cơ sở tổng kết 8 năm thi hành BLHS 1999 và cả những đạo luật hình sự trước đây, đồng thời tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Cũng như đối với nhiều lĩnh vực khác, việc đổi mới chính sách hình sự thể hiện trong BLHS phải bảo đảm tính đồng bộ với các lĩnh vực khác, các đạo luật khác trong hệ thống pháp luật. Những đổi mới trong chế định tội phạm kinh tế phải bảo đảm nhất quán với các chế định khác của BLHS cũng như những quy định khác có liên quan trong các ngành luật, đạo luật hiện hành. Đặc biệt, vấn đề bảo đảm sự nhất quán với các chính sách kinh tế được ghi nhận trong các văn kiện của Đảng và trong các đạo luật, Nghị quyết của Quốc hội đã ban hành.

Đổi mới chính sách hình sự trên lĩnh vực đấu tranh với tội phạm kinh tế phải góp phần thực hiện các nghĩa vụ quốc tế mà Nhà nước ta đã ký kết, phê chuẩn, đồng thời, tạo cơ sở pháp lý để tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các tội phạm kinh tế xuyên quốc gia, tội phạm có tổ chức, tội phạm rửa tiền, tội phạm công nghệ cao...

Rõ ràng, để bảo đảm nhất quán giữa chính sách hình sự với đường lối phát triển đất nước trong thời kỳ mới, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS là một đòi hỏi khách quan và cấp thiết nhằm góp phần khắc phục một bước những bất cập, hạn chế nói trên, đáp ứng yêu cầu bức xúc của thực tiễn đang đặt ra và bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Những nội dung được định hướng để sửa đổi các nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về môi trường, tội phạm công nghệ cao là phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

– *Đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, việc điều chỉnh chính sách hình sự chủ yếu liên quan đến những hành vi phạm tội kinh tế ảnh hưởng đến việc thực hiện các cam kết của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là trên lĩnh vực thương mại và tài chính - tiền tệ.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định tội đầu cơ (Điều 160) theo hướng mở rộng, tạo ra khả năng xử lý về hình sự đối với những hành vi đầu cơ xảy ra trong thời gian vừa qua, góp phần ổn định thị trường, giá cả. Điều 160 BLHS hiện hành chưa phản ánh hết những hành vi nguy hiểm cho xã hội xuất hiện trong cơ chế kinh tế thị trường. Bằng cách đó chúng ta đã bỏ ra ngoài phạm vi xử lý hình sự những hành vi nguy hiểm cao cho xã hội trong trường hợp thực hiện hành vi đầu cơ "trong tình hình có khó khăn về kinh tế".

Bổ sung vào tội trốn thuế (Điều 161), hành vi gian lận thuế, đồng thời, nâng các mức định lượng số tiền trốn thuế, lậu thuế để truy cứu trách nhiệm hình sự nhằm góp phần bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh các luật về thuế và Luật về quản lý thuế. Bằng sự sửa đổi này, nhà lập pháp đã phi tội phạm hoá những hành vi trốn thuế và hành vi gian lận thuế có mức định lượng dưới 150 triệu đồng được quy định tại khoản 1 Điều 161 BLHS 1999; đồng thời phi hình sự hoá một bước những hành vi trốn thuế, gian lận thuế từ 150 triệu đồng được quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều 161 BLHS 1999.

Với sự thiết kế lại cấu thành của tội xâm phạm quyền tác giả (Điều 131) và tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Điều 171) theo hướng quy định rõ ràng, cụ thể các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ, nhà lập pháp đã hình sự hoá nhiều hành vi được Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 - một đạo luật chuyên ngành dự liệu. Điều này cũng thể hiện tinh thần thực hiện nghiêm túc các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Hình sự hoá và tội phạm hoá một số hành vi trong lĩnh vực tài chính - kế toán và trong lĩnh vực chứng khoán nhằm góp phần đấu tranh có hiệu quả với các hành vi cho xã hội mới xuất hiện trong các lĩnh vực này. Đó là những hành vi in, phát hành, mua bán, sử dụng trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước; hành vi vi phạm quy định về bảo quản, quản lý hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước; hành vi cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu sự thật khi chào bán, niêm yết hoặc giao nộp chứng khoán; hành vi sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán; hành vi gian lận và lừa đảo trong giao dịch chứng khoán; hành vi thao túng giá chứng khoán.

– Đối với các tội phạm về môi trường:

Việc sửa đổi BLHS 1999 nhằm khắc phục những bất cập trong cấu thành của các tội phạm về môi trường, bảo đảm phản ánh đúng đắn hơn bản chất pháp lý của các hành vi thuộc nhóm này. Theo quy định tại BLHS 1999, cấu thành của nhóm tội gây “ô nhiễm môi trường đòi hỏi phải có đồng thời 3 yếu tố mới xử lý hình sự được: Hành vi thải chất gây ô nhiễm môi trường trước đó bị xử phạt hành chính; người bị xử phạt hành chính cố tình không thực hiện các biện pháp khắc phục; do không thực hiện biện pháp khắc phục mà gây ra hậu quả nghiêm trọng. Quy định cấu thành vật chất trong các tội phạm này đã hạn chế khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhiều hành vi nguy hiểm cao cho xã hội. Sự bất hợp lý thể hiện ở chỗ các hành vi có độ nguy hiểm cao, khó khắc phục hậu quả thì ngay khi hành vi chưa hoàn thành đã nguy hiểm đối với xã hội và đe dọa nguy hiểm cao đối với xã hội, lẽ ra phải quy định cấu thành hình thức nhằm tăng cường khả năng phòng ngừa ngăn chặn, đồng thời có thể xử lý ngay cả khi tội phạm chưa dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho xã hội. Việc quy định đủ cả 3 yếu tố nói trên đã làm lọt nhiều hành vi nguy hiểm cho xã hội và gây khó khăn cho việc xác định hậu quả đối với môi trường.

Những hành vi huỷ hoại môi trường môi sinh, xả chất thải công nghiệp ra môi trường tự nhiên có thể dẫn đến thảm họa đối với con người. Vì thế việc tội phạm hoá, hình sự hoá các hành vi mua bán, tái chế rác thải y tế hoặc rác thải công nghiệp chưa qua xử lý để sản xuất vật dụng tiêu dùng... là nhất quán với chính sách hình sự hiện đại, bảo vệ con người, tương lai của loài người.

Chính sách hình sự đối với các tội phạm môi trường ở Việt Nam hiện nay được Chính phủ định hướng nhằm giải quyết một số vấn đề trung tâm sau:

+ Hình sự hoá, tội phạm hoá một số hành vi xâm phạm môi trường bằng việc thải vào không khí, nguồn nước, chôn vùi vào đất các chất gây “nhiễm môi trường” không tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; hợp nhất các hành vi gây ô nhiễm không khí, nguồn nước, đất vào một tội danh.

+ Hình sự hoá, tội phạm hoá những hành vi lợi dụng việc nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị, hay thủ đoạn khác để đưa máy móc thiết bị lạc hậu, phế liệu hoặc hoá chất, chế phẩm sinh học các chất thải khác vào lãnh thổ Việt Nam;

+ Hình sự hoá các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm; các hành vi vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên cho phù hợp với thực tiễn và quy định mới của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Tội phạm hoá những hành vi vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại; vi phạm quy định về phòng ngừa sự cố môi trường... có khả năng gây hậu quả rất lớn cho sức khoẻ, tính mạng con người.

+ Điều chỉnh hệ thống hình phạt đối với nhóm tội này theo hướng nâng mức phạt tiền đối với các tội phạm về môi trường.

– Đối với các tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin:

Để khắc phục tình trạng hiện nay có nhiều hành vi liên quan đến công nghệ thông tin rất nguy hiểm cho xã hội, đáng xử lý về hình sự nhưng chưa được quy định là tội phạm. Vì thế, việc tội phạm hoá những hành vi truy cập trái phép, đón chặn thông tin trái phép, sử dụng trái phép thiết bị và các hành vi khác xâm hại đến các thiết bị, số liệu và dịch vụ thông tin, truyền thông, sử dụng công nghệ thông tin để chiếm đoạt tài sản, lừa đảo qua mạng... là để đáp ứng yêu cầu cấp thiết của thực tiễn và phù hợp với xu thế chung trên thế giới.

– Về những hành vi liên quan đến rửa tiền:

Trong BLHS năm 1999 có hai điều luật quy định về tội phạm liên quan trực tiếp đến rửa tiền. Đó là tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250) và tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có (Điều 251). Tuy nhiên, chỉ với hai tội phạm đó, thì nhiều hành vi rửa tiền xảy ra trên thực tế chưa được quy định là tội phạm. Chính vì vậy, việc tội phạm hoá các hành vi rửa tiền như: sử dụng tiền, tài sản do phạm tội mà có vào các casino, làm quà tặng, làm từ thiện, tài trợ cho các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch; dịch chuyển tài sản biết rõ là do phạm tội mà có từ nơi này sang nơi khác nhằm mục đích che giấu hoặc nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản; che giấu, nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản... là phù hợp với xu hướng chung trên thế giới, tạo cơ sở pháp lý để đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm rửa tiền, đồng thời góp phần tạo thuận lợi cho việc hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Điều này cũng nhằm thực hiện những cam kết quốc tế của Việt Nam trong Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (TOC) và các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF).

– Tội phạm hoá hành vi thành lập hoặc tham gia vào nhóm tội phạm có tổ chức là một nội dung mới trong chính sách hình sự nói chung, đối với tội phạm kinh tế nói riêng.

5. Một số vấn đề cần tiếp tục quan tâm

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường, đặc biệt quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, bất cứ lĩnh vực hoạt động kinh tế nào cũng xuất hiện những biến đổi xã hội làm giảm, làm mất tính nguy hiểm xã hội của những hành vi nào đó, đồng thời lại làm gia tăng tính nguy hiểm xã hội hay nhu cầu tội phạm hoá những hành vi khác. Vì thế, cần tiếp tục rà soát tất cả mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế để xác định những hành vi cần hình sự hoá, tội phạm hoá cũng như phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá.

Đổi mới chính sách hình sự đối với tội phạm kinh tế là một phương hướng rất quan trọng để đáp ứng tốt hơn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh của đất nước.

Thực tiễn cho thấy vẫn còn khá nhiều những hành vi thường xuất hiện trong các hoạt động kinh tế - xã hội, đằng sau những vỏ bọc hợp lý, hợp pháp chứa đựng những dấu hiệu và bản chất rất nguy hiểm cho xã hội cần được tiếp tục quan tâm xử lý để tội phạm hoá, hình sự hoá làm cơ sở pháp lý đấu tranh loại trừ chúng.

Xin nêu một số vấn đề lớn cần được tiếp tục nghiên cứu xử lý:

– *Thứ nhất*, vấn đề trách nhiệm hình sự pháp nhân. Mặc dù vấn đề này đã được đặt ra khá lâu cả trên phương diện lý luận cũng như thực tiễn nhưng chưa được xử lý. Thực tiễn nhiều nước, kể cả những nước trước đây từng có hệ thống pháp luật hình sự theo mô hình xã hội chủ nghĩa cũng áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân, nhất là trên lĩnh vực tội phạm kinh tế, có tác dụng to lớn trong việc đấu tranh với tội phạm, đặc biệt là tội phạm tham nhũng. Việc áp dụng trách nhiệm hình sự pháp nhân không gây biến đổi lớn về mặt nguyên tắc đối với các ngành luật khác, kể cả các chế định của pháp luật tố tụng hình sự. Thiết nghĩ cần được xem xét trong lần sửa đổi BLHS 1999 và BLTTHS 2003 này.

– *Thứ hai*, vấn đề áp dụng phương pháp viện dẫn các hành vi được quy định trong các đạo luật, các văn bản pháp quy thuộc lĩnh vực kinh tế chuyên ngành. Xu hướng này nhằm tạo ra sự năng động trong hoạt động lập pháp, không buộc phải tạo ra những bộ luật đồ sộ mà vẫn có khả năng hình sự hoá, tội phạm hoá, phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá những hành vi, quan hệ cụ thể trong lĩnh vực kinh tế.

– *Thứ ba*, thực tế cho thấy trong hoạt động kinh tế có không ít hành vi tại thời điểm xem xét có thể là tiêu cực, là “cố ý làm trái” nhưng xét về lâu dài lại có ý nghĩa tích cực. Những loại hành vi này cần được phi hình sự hoá và nhất thiết không áp dụng những hình phạt tử hình, chung thân, hạn chế tối đa tù có thời hạn để một mặt thể hiện tính chất nhân đạo, hướng thiện của pháp luật hình sự Việt Nam, mặt khác loại trừ khả năng oan, sai, nhất là trong điều kiện chúng ta chưa có đủ kiến thức, phương tiện, công nghệ để kiểm chứng.

Chính sách hình sự của chúng ta trên lĩnh vực đấu tranh với tội phạm kinh tế cần có định hướng phi hình sự hoá những hành vi dù có đủ các dấu hiệu hành vi phạm tội hình sự, nhưng lại có tác dụng làm gia tăng sự năng động của cơ chế, khai thác mạnh các khả năng nguồn lực của mỗi chủ thể phục vụ cho phát triển, giải phóng năng lực tiềm tàng trong đội ngũ nhân lực của các cơ quan, doanh nghiệp. Theo hướng này cần xem xét phi hình sự hoá loại hành vi “cố ý làm trái” trong BLHS hiện hành. Bởi vì trong cách quy định cấu thành tội phạm này các dấu hiệu “cố ý làm trái” và “hậu quả nghiêm trọng” đều mang tính ước lệ rất cao,

ít tính cụ thể. Nếu cần thiết, phải định hình rõ những hành vi nào, hoàn cảnh cụ thể, trách nhiệm pháp lý trực tiếp, cụ thể trong những hoàn cảnh đó để xác định trách nhiệm hình sự. Xử lý điểm này để khắc phục tình trạng thực tế nhiều khi các cơ quan tiến hành tố tụng không chứng minh được hành vi của bị can, bị cáo, không xác định được mối liên hệ nhân quả trực tiếp giữa hành vi và hậu quả nguy hiểm đối với xã hội mà vẫn có thể xử lý hình sự, dẫn đến khả năng oan sai gia tăng làm báo chí, dư luận xã hội bức xúc.

– *Thứ tư*, quan điểm sửa đổi bổ sung BLHS 1999 bởi Quốc hội khoá XII là chỉ chọn những vấn đề bức xúc nhất, bất cập nhất. Tuy nhiên điều đó không loại trừ nhu cầu xử lý đầy đủ những yếu tố tiềm tàng hành vi nguy hiểm cho xã hội trong các hoạt động, cơ chế quản lý trên các lĩnh vực. Và vì thế, theo tôi, có những hướng chính có thể và cần thiết nghiên cứu xử lý và để xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội, làm cơ sở cho việc tiếp tục tội phạm hoá, hình sự hoá hoặc phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá. Đó là:

+ Những hành vi lợi dụng cơ chế phân bổ và quản lý ngân sách Nhà nước theo cơ chế “xin cho”, tồn tại trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế có liên quan đến ngân sách;

+ Những vấn đề tiềm ẩn đằng sau cơ chế quản lý và đại diện chủ sở hữu Nhà nước trong các tập đoàn kinh tế có vốn nhà nước;

+ Trách nhiệm pháp lý hình sự của những chủ thể đứng đằng sau những thất thoát, mất mát lớn nguồn vốn Nhà nước của cơ quan, tổ chức (từ nguồn ngân sách, tín dụng nhà nước, vốn vay ODA, trái phiếu chính phủ...) mà họ trực tiếp quản lý, quyết định; lâu nay mọi thất thoát này đều do Chính phủ hứng chịu;

+ Hình sự hoá, tội phạm hoá các hành vi can thiệp hình thành chính sách để vụ lợi; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch làm lợi cho bản thân hoặc người khác để vụ lợi; các hành vi liên quan đến điều chỉnh chế độ chính sách, phân bổ dự án, quyết định đầu tư, hình thành và điều chỉnh quy hoạch đầu tư xây dựng cơ bản; phân bổ nguồn vốn; những hành vi khác can thiệp vụ lợi vào các công đoạn của quá trình đầu tư xây dựng cơ bản;

– *Thứ năm*, khẳng định xu hướng cải cách mạnh mẽ hệ thống hình phạt theo hướng tăng cường tính nhân đạo, hướng thiện và sử dụng đòn bẩy lợi ích kinh tế, vật chất. Xoá bỏ các hình phạt tử hình đối với các tội phạm kinh tế; hạn chế áp dụng hình phạt tù và thay thế bằng các hình phạt tiền, hình phạt lao động công ích; tăng cường biện pháp tư pháp buộc phải phục hồi, bồi hoàn các giá trị vật chất.

CHÚ THÍCH

- ⁽¹⁾ Hiện nay, xung quanh vấn đề hình sự hoá và tội phạm hoá cũng như phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá vẫn còn có những quan niệm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, hình sự hoá và tội phạm hoá là một quá trình thống nhất, hay tội phạm hoá cũng chính là hình sự hoá. Tương tự như vậy, quá trình phi hình sự hoá và phi tội phạm hoá là một. Lại có ý kiến cho rằng các quá trình tội phạm hoá và hình sự hoá là khác biệt nhau, cũng như vậy, phi tội phạm hoá và phi hình sự hoá là khác nhau. Tuy nhiên, cả hai quan điểm nói trên đều còn những điểm đáng bàn. Có thể thấy rằng, phi tội phạm hoá là một trường hợp đặc biệt của phi hình sự hoá, là kết quả cuối cùng của quá trình phi hình sự hoá không ngừng một loại hành vi nào đó. Nói cách khác, quá trình giảm hình phạt đến tối đa sẽ dẫn đến loại hành vi ra khỏi phạm vi áp dụng hình phạt và do đó, theo định nghĩa tội phạm đã được thừa nhận lâu nay, hành vi không còn là tội phạm nữa. Khi không còn hình phạt thì cũng có nghĩa là phi tội phạm hoá. Quá trình hình sự hoá và tội phạm hoá diễn ra ngược lại, tội phạm hoá là hệ quả của hình sự hoá, nhưng lại không phải là điểm cuối cùng, mà chỉ có ý nghĩa như một bước chuyển đổi về chất. Quá trình hình sự hoá tiếp diễn khi hình sự hoá đã diễn ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Trọng Ngũ, *Hình sự hoá, tội phạm hoá và phi hình sự hoá, phi tội phạm hoá*, Tạp chí Công an Nhân dân, số 6/2003.